

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phân công nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý
nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp
luật về giá, thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị
trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị
trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số/TTr-STC ngày
tháng năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Những nội dung khác không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật có liên quan.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tiếp tục áp dụng theo mức giá hàng hóa, dịch vụ hiện hành cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành văn bản định giá mới.

2. Các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tiếp tục áp dụng hướng dẫn chi tiết hiện hành đối với các mặt hàng thuộc Danh mục được cơ quan có thẩm quyền ban hành cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mới đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Hiệu lực thi hành

a) Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - hội nghị tỉnh, Báo Hưng Yên;
- Lưu VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Phân công nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, không bao gồm quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Luật Giá năm 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh phù hợp với trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ

Điều 3. Bình ổn giá

1. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

Trường hợp cần thiết điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính.

2. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện bình ổn giá

a) Việc thực hiện bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Luật Giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp tổ chức thực hiện bình ổn giá theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật Giá; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực (sau đây gọi là Bộ chuyên ngành) kết quả thực hiện bình ổn giá.

b) Việc thực hiện bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 của Luật Giá

b1) Đối với việc bình ổn giá trên phạm vi cả nước, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp tổ chức thực hiện bình ổn giá theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 20 của Luật Giá và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b2) Đối với việc bình ổn giá tại phạm vi địa phương, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo điểm b khoản 2, Điều 20 của Luật Giá và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Định giá

1. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

Trường hợp cần thiết điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Lập phương án giá

a) Việc lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này thực hiện lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Thẩm định phương án giá

a) Cơ quan thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ trừ hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b khoản này: Sở quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định phương án giá theo phân công tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

b) Cơ quan thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành (theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh), sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh, thực hiện như sau:

b1) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức cấp tỉnh:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng: Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập chủ trì thẩm định phương án giá.

- Đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác: Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ cấp tỉnh chủ trì thẩm định phương án giá.

b2) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định phương án giá, phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ tham mưu việc thẩm định phương án giá.

c) Cơ quan thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, tiết b1 điểm b khoản này, có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thẩm định phương án giá (nếu cần thiết).

4. Trình phương án giá

a) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá; ban hành văn bản định giá cụ thể sau khi có văn bản định giá khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu của Bộ chuyên ngành sau khi rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá.

c) Thể thức ban hành văn bản định giá: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá theo hình thức Quyết định.

Điều 6. Hiệp thương giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực có thẩm quyền, trách nhiệm hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý trừ trường hợp hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý mà bên mua, bên bán hoặc cả 02 bên là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc đối tượng quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 7. Kê khai giá

1. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

Trường hợp cần thiết điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính.

2. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá

a) Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá có trách nhiệm thông báo hình thức tiếp nhận kê khai giá cho các tổ chức cá nhân thực hiện kê khai, có quyền yêu cầu các tổ chức thực hiện kê khai giá bổ sung đầy đủ nội dung kê khai giá trong trường hợp kê khai thiếu nội dung theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá. Đồng thời, chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương.

b) Đối tượng phải kê khai giá: Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh và trong danh sách đối tượng phải kê khai giá theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

a) Các cơ quan được phân công tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này, có trách nhiệm thực hiện rà soát, tổng hợp danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

thực hiện kê khai giá theo ngành, lĩnh vực quản lý đảm bảo không thuộc danh sách kê khai giá của Bộ chuyên ngành, gửi Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp, trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá rà soát, lập Danh sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì báo cáo Sở Tài chính không ban hành Danh sách kê khai giá mới.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, thông báo danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Thời hạn đăng tải Danh sách kê khai giá tổng hợp định kỳ hàng năm và Danh sách kê khai giá bổ sung trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ thời điểm ban hành Danh sách kê khai giá.

Điều 8. Cơ sở dữ liệu về giá

1. Quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh

Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh; ban hành quyết định về quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính xây dựng cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

3. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh

a) Các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu sau vào Cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh:

a1) Giá tính lệ phí trước bạ do các cơ quan, tổ chức chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

a2) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do các cơ quan, tổ chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

a3) Danh sách các tổ chức kinh doanh dịch vụ, hàng hóa thực hiện kê khai giá tại các cơ quan, tổ chức;

a4) Giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền các cơ quan, tổ chức tiếp nhận kê khai giá;

a5) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá;

a6) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do các cơ quan, tổ chức chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

b) Ngoài quy định tại điểm a khoản này, Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính vào Cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh.

4. Thời điểm cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh

a) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu định kỳ 01 lần/tháng (chậm nhất ngày 03 hằng tháng) đối với thông tin, dữ liệu được quy định tại điểm a6, điểm b khoản 3 Điều này;

b) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu thường xuyên (trong 05 ngày kể từ khi văn bản, quyết định về thông tin, dữ liệu có hiệu lực) đối với các thông tin, dữ liệu được quy định tại tiết a1, a2, a3, a4, a5 điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 9. Báo cáo giá thị trường

1. Báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ thuộc lĩnh vực quản lý và địa bàn quản lý theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, gửi Sở Tài chính tổng hợp.

Báo cáo định kỳ gửi Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Giao Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ của tỉnh gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổng hợp theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

2. Báo cáo giá thị trường đột xuất

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương để gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1 Điều 16 Thông tư số

29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

b) Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ chuyên ngành.

Điều 10. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá

1. Sở Tài chính

a) Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của cơ quan và các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá trong trường hợp kiểm tra theo quy định điểm a khoản 1 Điều này. Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, giao Sở Tài chính ban hành quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

b) Sở Tài chính, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch, quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá trong trường hợp kiểm tra theo quy định điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Những nội dung quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ các Quyết định quy định quản lý nhà nước về giá của tỉnh trái với quyết định này (nếu có).

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỊNH GIÁ, HÌNH THỨC ĐỊNH GIÁ VÀ TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thẩm định Phương án giá
I	Hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá			
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Giao thông và vận tải	Sở Giao thông và vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá	Sở Giao thông và vận tải	Sở Giao thông và vận tải
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Giao thông và vận tải	Sở Giao thông và vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa	Sở Giao thông và vận tải	Sở Giao thông và vận tải
5	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT
6	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thẩm định Phương án giá
8	Giá thuê nhà ở xã hội; giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp; giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
9	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
12	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Giao thông và vận tải	Sở Giao thông và vận tải
13	Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Giao thông và vận tải	Sở Giao thông và vận tải
14	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; định giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
15	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thẩm định Phương án giá
16	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Giao thông và vận tải	Sở Giao thông và vận tải
17	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
18	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
19	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Công Thương	Sở Công Thương
II	Hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá			
1	Nước sạch			
1.1	Giá cụ thể giá nước sạch đối với khu vực đô thị, khu vực công nghiệp, du lịch, khu vực nông thôn được quy hoạch thành đô thị, khu vực nông thôn cận đô thị không được quy hoạch thành đô thị nhưng đảm bảo điều kiện để mở rộng mạng lưới cấp nước.	- Bộ Tài chính định khung giá - Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
1.2	Giá cụ thể giá nước sạch đối với khu vực còn lại (ngoài khu vực của Sở Xây dựng thẩm định).		Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	- Bộ Y tế định giá tối đa - Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	- Bộ Y tế định giá tối đa - Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Y tế	Sở Y tế

Phụ lục số 02

CƠ QUAN TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước	
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	Sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao thẩm định phương án giá thực hiện tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá của mình.
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông vận tải
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
14	Thiết bị y tế	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại tỉnh	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân cấp huyện
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương